

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Xu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Bộ.

Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh,
tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-
HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7
năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Quang Minh T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Đàn
Long, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Đàn Long, xã Tam Đàn,
huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn
ông Bùi Quang Minh T trình bày: Ông với bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và xây
dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú
Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng
ông luôn xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,
tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bà T không giành thời gian để lo cho
gia đình con cái, thường xuyên làm việc về khuya, vợ chồng không còn tình cảm nên
ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/7/2017. Khi ly hôn ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi thành niên và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà với ông T tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông T không lo làm ăn, tụ tập đánh bài, không có trách nhiệm với vợ con, không có công việc làm ổn định. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/7/2017. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang Minh T. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Quang Minh T và bà Trần Thị T. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/7/2017 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về chia tài sản chung: Ông T, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về nợ chung: Ông T, bà T đều khai không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Quang Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị T cư trú tại thôn Đàn Long, xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng

Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang Minh T và bà Trần Thị T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Ông T cho rằng trong thời gian chung sống, vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Trước đây, bà T đã nộp đơn ly hôn được Tòa án hoà giải đoàn tụ. Tuy nhiên, khi về chung sống lại với nhau thì mâu thuẫn vẫn không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng hơn, bà T không giành thời gian để lo cho gia đình con cái, thường xuyên làm việc về khuya. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Bà T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, tụ tập đánh bài, không có trách nhiệm với vợ con, không có công việc làm ổn định, nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông T. Ông T, bà T đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và hai bên đều xác định không còn tình cảm với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T, bà T thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà T là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà T có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/7/2017. Từ khi sinh ra đến nay cháu A sống cùng với ông T, bà T, cháu được ông T bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T bà T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, nguyện vọng được nuôi con của ông T, bà T là chính đáng. Xét thấy, hiện nay cháu A còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ, bà T có công việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu A. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu Bùi Tuấn A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu, phù hợp với quy định của pháp luật. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung: Ông T, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông T, bà T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Bùi Quang Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang Minh T.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Quang Minh T và bà Trần Thị T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/7/2017 cho bà Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Bùi Quang Minh T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010434 ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Ông T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- UBND xã Tam Đàn;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Văn Xu

